

Số: 675/2022/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 05 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 616/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2022 về việc “ Tranh chấp ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T – sinh năm 1959
Thường trú: Số 17 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Số 116/15 T, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Bạch M – sinh năm 1958
Thường trú: Số 196 Đ, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ cáo các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T – sinh năm 1959
Thường trú: Số 17 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Số 116/15 T, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Bạch M – sinh năm 1958
Thường trú: Số 196 Đ, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Huỳnh Bạch M. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 326 quyển số 2/97 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/6/1997 chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: ông bà có hai người con chung là Phan Văn T sinh năm 1991 và Phan Hoài M sinh năm 1993. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T thuộc diện người cao tuổi được quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 (Trên 60 tuổi) thuộc trường hợp miễn nộp

tiền án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T có nộp đơn xin miễn án phí ngày 31/5/2022, ông thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- UBND Quận B,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA.DS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương